TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2019/DS-PT
Ngày 28-11-2019
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần HĐXX Phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Đặng Văn Quyết
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lương Xuân Lộc
Bà Phạm Thị Minh Hiền
- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
- *Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:*

Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2018/TLPT-DS ngày 12/9/2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162 /2019/QĐXXPT-DS ngày 02/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178 ngày 15/10/2019 của TAND tỉnh Bắc Giang;

giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Lê Văn L1- Sinh năm 1968 (có mặt)

+ Bị đơn: 1. Ông Lê Văn L2- Sinh năm 1959 (có mặt)
2. Bà Trần Thị D1- Sinh năm 1964

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị Th1- Sinh năm 1971
2. Anh Lê Văn T1- Sinh năm 1990
3. Chị Lê Thị H1- Sinh năm 1992

(Chị Th1, anh T1chị Hưởng uỷ quyền cho ông Lê Văn L1theo văn bản uỷ quyền ngày 06/7/2018)

4. Chị Lê Thị Th2- Sinh năm 1988
5. Anh Lê Văn T2- Sinh năm 1991

(Bà D1, Chị Th1, anh T2uỷ quyền cho ông Lê Văn L2 theo văn bản uỷ quyền ngày 21/3/2018).

Các đương sự đều trú tại thôn Giếng, xã TL, LG, Bắc Giang.

6. UBND xã TL – Do ông Lê Văn Tr1– Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật.

7. UBND huyện LG - Do bà Nguyễn Thị Ng1– Phó phòng Tài nguyên và môi trường đại diện theo ủy quyền.

(các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa).

Do bản án có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn L1là nguyên đơn trình bày:

Gia đình ông được sử dụng phần đất do cha ông để lại có diện tích đất 322m^2 tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 12 tại thôn Giếng, xã TL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Ngày 26/01/1994 gia đình ông đã được UBND huyện LG cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với diện tích đất nói trên. Sau đó, đến khoảng năm 1990 ông mua của ông Lê Văn Dễ là hàng xóm liền kề 218m^2 tại thửa 343. (tổng là 540m^2).

Trong quá trình sử dụng đất thì gia đình ông và gia đình ông Lê Văn L2đã nhiều lần mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân khác nhau mặc dù đã được chính quyền địa phương nhiều lần khuyên bảo, hoà giải nhưng không có kết quả. Ông đề nghị Toà án buộc ông Lê Văn L2phải tháo dỡ các công trình và trả ông khoảng 5m^2 đất đã lấn chiếm của gia đình ông. Phần đất ông L2 lấn chiếm nằm giáp ranh với gia đình ông có chiều dài khoảng 20m, chỗ rộng nhất khoảng 0,8m và chỗ nhỏ nhất khoảng 0,3m.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn L2là bị đơn trình bày:

Năm 1992 ông mua của ông Hoàng Viết Tòng 2 mảnh đất mà hiện tại đang xảy ra tranh chấp. Năm 1994 gia đình ông xây tường bao và móng nhà cấp 4, bờ tường xây năm 1994 đến nay vẫn còn và không thay đổi gì. Năm 1994 gia đình ông và gia đình ông L1cùng được UBND huyện LG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình ông được quyền sử dụng 130m^2 tại thửa số 473 và 388m^2 đất tại thửa 474 tờ bản đồ số 12 thôn Giếng, xã TL (tổng là 518m^2).

Sau khi hai gia đình được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì năm 1994 ông L1khởi kiện gia đình ông, UBND xã TL xác định cả 2 gia đình đều lấn sang đất của nhau nhưng diện tích không đáng kể. Sau khi được UBND xã hòa giải thì hai gia đình không có ý kiến gì.

Năm 2007 gia đình ông L1trồng chuối, bụi chuối phát triển làm tắc rãnh thoát nước vào mùa mưa, hai gia đình lại có mâu thuẫn. Sau nhiều lần được thôn hòa giải thì hai gia đình thống nhất để rãnh thoát nước rộng 50cm từ đó.

Năm 2016 gia đình ông L1xây dụng công trình chăn nuôi và hố gas chỉ để rãnh thoát nước 15-20cm, ông bảo với ông L1là để 50cm như thỏa thuận năm 2007 để khi nào rãnh bị tắc thì có thể chui vừa người vào để khơi, dọn rãnh nước nhưng ông L1không đồng ý.

Nay ông L1khởi kiện yêu cầu ông trả diện tích đất lấn chiếm là 5m^2 ông không đồng ý vì hiện tại gia đình ông L1vẫn sử dụng đủ diện tích đất được cấp và đã mua. Còn từ nay ông L1có để rãnh thoát nước hay không ông không can thiệp, ông đề nghị giữ nguyên ranh giới giữa hai gia đình là bức tường bao xây từ năm 1994 đến nay.

Ngày 29/6/2018 ông nộp đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu gia đình ông L1phải trả cho ông diện tích 3m^2 đất đã lấn chiếm.

Tại phiên tòa, ông rút yêu cầu phản tố và không chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên ranh giới giữa 2 gia đình là bức tường đã có từ năm 1994.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lê Thị Thoa, anh Lê Văn Tới, chị Lê Thị H1là thành viên trong gia đình ông Lê Văn L1sinh sống trên thửa đất đang tranh chấp đã ủy quyền cho ông Lê Văn L1giải quyết vụ án.

- Bà Trần Thị Dung, anh Lê Văn T2, chị Lê Thị Th2 là thành viên trong gia đình ông Lê Văn L2 sinh sống trên thửa đất đang tranh chấp đã uỷ quyền toàn bộ cho ông Lê Văn L2 giải quyết vụ án.

UBND xã TL trình bày:

- Đối với hộ ông Lê Văn L2:

Ngày 26/01/1994, hộ gia đình ông Lê Văn L2được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 2 thửa 473 và 474 có tổng diện tích là 518m^2 đất ở và đất vườn

Năm 2012 UBND xã tổ chức đo đạc lại bản đồ địa chính thì các thửa đất 473 và 474 của ông Lê Văn L2gộp thửa thành thửa 132 có diện tích là 528,5m^2,(tăng 10,5m^2) so với năm 1994.

- Đối với hộ ông Lê Văn Lân:

Ngày 26/01/1994, hộ gia đình ông Lê Văn L1được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 353 có diện tích là 322m^2. Ngoài ra, gia đình ông L1còn sử dụng thửa 343 mua của ông Lê Văn Dễ có diện tích 218m^2.

Năm 2012 UBND xã tổ chức đo đạc lại bản đồ địa chính thì các thửa đất 343 và 353 của ông Lê Văn L1gộp thửa thành thửa 115 có diện tích là 541,2m^2,(tăng 1,2m^2) so với năm 1994.

Quan điểm của UBND xã là đối với diện tích đất vượt quá giấy chứng nhận QSDĐ được cấp của các hộ thì đề nghị tiếp tục giao cho các hộ sử dụng. Khi nào cơ quan nhà nước có quyết định yêu cầu trả lại thì các hộ phải tháo rỡ các công trình trên đất và trả lại phần đất vượt quá cho nhà nước.

UBND huyện LG trình bày:

- Đối với hộ ông Lê Văn L2:

Hộ gia đình ông Lê Văn L2, bà Trần Thị D1sử dụng thửa đất 473, tờ bản đồ 12 có diện tích 130m^2 và thửa 474, tờ bản đồ 12 có diện tích 388m^2. Ngày 26/01/1994 UBND huyện LG đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ mang tên bà Trần Thị D1với tổng diện tích 2 thửa là 518m^2.

Năm 2012 UBND xã TL tổ chức đo đạc lại bản đồ địa chính thì các thửa đất 473 và 474 của ông Lê Văn L2gộp thửa thành thửa 132 có diện tích là 528,5m^2,(tăng 10,5m^2) so với năm 1994.

Theo số liệu đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 29/6/2018 thì hiện ông Lượng, bà D1đang sử dụng 533,7m^2 (tăng 15,7m^2) so với số liệu ghi trong giấy tờ QSDĐ được cấp.

Hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Lượng, bà D1về ranh giới, mốc thửa đất rõ ràng và đã xây dựng tường bao ngăn cách với các hộ liền kề.

- Đối với hộ ông Lê Văn Lân:

Hộ gia đình ông Lê Văn L1sử dụng thửa đất 353, tờ bản đồ 12 có diện tích 322m^2 và thửa 343, tờ bản đồ 12 có diện tích 218m^2 tại thôn Giếng, xã TL, cụ thể như sau:

+ Đối với thửa 353, tờ bản đồ 12 có diện tích 322m^2 có nguồn gốc của bố mẹ ông L1để lại từ trước năm 1993. Ngày 26/01/1994 UBND huyện LG đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Lê Văn Lân.

+ Đối với thửa 343, tờ bản đồ 12 có diện tích 218m^2 có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn Dễ.

Năm 2012 UBND xã TL tổ chức đo đạc lại bản đồ địa chính thì các thửa đất 343 và 353 của ông Lê Văn L1gộp thửa thành thửa 115 có diện tích là 541,2m^2,(tăng 1,2m^2) so với số liệu ghi trong giấy tờ về QSDĐ.

Theo số liệu đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 29/6/2018 thì hiện anh Lân, chị Th1đang sử dụng 538,6m^2 (giảm 1,4m^2) so với số liệu ghi trong giấy tờ QSDĐ được cấp.

Hiện trạng sử dụng đất của hộ ông L1về ranh giới, mốc thửa đất rõ ràng và đã xây dựng tường bao ngăn cách với các hộ liền kề.

UBND huyện LG xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện LG đã áp dụng các Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013.

- Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 9 Điều 26, 147, 157, 165, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về lệ phí, án phí Toà án, xử:

[1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L1đối với yêu cầu buộc gia đình ông Lê Văn L2phải trả 5m^2 đất lấn chiếm tại thửa đất số 353, tờ bản đồ 12, thôn Giếng, xã TL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Lê Văn L2đối với yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn L1phải trả 3m^2 đất lấn chiếm.

[3]. Về tiền chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ sơ đồ hiện trạng sử dụng đất, chồng áp bản đồ.

- Ông Lê Văn L1phải chịu 11.100.000đ tiền chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ hiện trạng sử dụng đất bằng máy chuyên dụng. Xác nhận ông L1đã nộp đủ và thanh toán xong.

- Ông Lê Văn L2 4.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung. Xác nhận ông L2 đã nộp đủ và thanh toán xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 09/8/2019 ông Lê Văn L1làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 26 nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L1vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Lê Văn L2vẫn thừa nhận diện tích đất ở do gia đình ông đang quản lý, sử dụng theo biên bản thẩm định, định giá của Tòa án huyện LG ngày

29/6/2018 và kết quả đo đạc áp với bản đồ địa chính năm 1993 thì hiện tại gia đình ông có xây dựng bức tường gạch và cay vôi trong một phần diện tích chuồng lợn có lấn sang phần đất của gia đình ông L1là 17,3m2. Trong khi đó gia đình ông L1cũng xây dựng bức tường lấn một phần đất của gia đình ông khoảng gần chục mét vuông. Nay ông có nguyện vọng được giữ nguyên hiện trạng mà hai gia đình đang quản lý, sử dụng; nếu ông L1vẫn cương quyết yêu cầu gia đình ông phải trả lại diện tích trên thì ông cũng đồng ý và sẽ có trách nhiệm tháo dỡ các bức tường trên để trả lại đất cho gia đình ông L1(theo sơ đồ đo vẽ của Tòa án). Còn diện tích đất mà gia đình ông L1lấn sang phần diện tích của gia đình ông thì ông sẽ yêu cầu đòi lại sau.

Đại diện VKS nhân dân tỉnh Bắc Giang có quan điểm:

* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên toà đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

* Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- Đối với các đương sự: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, Điều 71 BLTTDS như: Cung cấp đầy đủ, chính xác địa chỉ nơi cư trú của mình, cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và có mặt tại phiên toà trình bầy, bảo vệ yêu cầu của mình.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 BLTTDS, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Lân, sửa bản án sơ thẩm. Chi phí tố tụng buộc ông L2 phải chịu để hoàn trả cho ông L1theo quy định. Án phí dân sự phúc thẩm ông L2 phải nộp 300.000 đồng, hoàn trả cho ông L1300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của ông Lê Văn L1thì thấy.

Hộ gia đình ông Lê Văn L2, bà Trần Thị D1sử dụng thửa đất 473, tờ bản đồ 12 có diện tích 130m^2 và thửa 474, tờ bản đồ 12 có diện tích 388m^2. Ngày 26/01/1994 UBND huyện LG đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ mang tên bà Trần Thị D1với tổng diện tích 2 thửa là 518m^2.

Hộ gia đình ông Lê Văn L1sử dụng thửa đất 353, tờ bản đồ 12 có diện tích 322m^2 và nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn Dễ thửa 343, tờ bản đồ 12 có diện tích 218m^2 tại thôn Giếng, xã TL, tổng diện tích 2 thửa là 540m^2.

Quá trình sử dụng đất thì hai gia đình nhiều lần xảy ra mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân khác nhau. Quá trình hoà giải tại cơ sở cũng như quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, ông Lê Văn L2là bị đơn luôn có ý thức hoà giải nhưng ông L1không đồng ý.

Ngày 29/6/2018 Toà án nhân dân huyện LG tiến hành định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ, và đo vẽ hiện trạng sử dụng đất thì thấy hiện trạng sử

dụng của 2 gia đình đều lấn sang đất của nhau so với ranh giới đo đạc bản đồ năm 1993, cụ thể:

Khi chồng ghép biên bản đo vẽ hiện trạng sử dụng đất của 2 hộ gia đình với bản đồ địa chính đo đạc năm 1993 thì hộ gia đình ông L2 lấn sang đất hộ ông L117,3m^2, còn hộ ông L1lấn sang phần đất hộ ông L2 tại 2 vị trí có tổng diện tích là 9,7m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L1vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Lê Văn L2vẫn thừa nhận diện tích đất ở do gia đình ông đang quản lý, sử dụng theo biên bản thẩm định, định giá của Tòa án huyện LG ngày 29/6/2018 và kết quả đo đạc áp với bản đồ địa chính năm 1993 thì hiện tại gia đình ông có xây dựng bức tường gạch và cay vôi trong một phần diện tích chuồng lợn có lấn sang phần đất của gia đình ông L1là 17,3m2. Trong khi đó gia đình ông L1cũng xây dựng bức tường lấn một phần đất của gia đình ông khoảng gần chục mét vuông. Nay ông có nguyện vọng được giữ nguyên hiện trạng mà hai gia đình đang quản lý, sử dụng; nếu ông L1vẫn cương quyết yêu cầu gia đình ông phải trả lại diện tích trên thì ông cũng đồng ý và sẽ có trách nhiệm tháo dỡ các bức tường trên để trả lại đất cho gia đình ông L1(theo sơ đồ đo vẽ của Tòa án). Còn diện tích đất mà gia đình ông L1lấn sang phần diện tích của gia đình ông thì ông sẽ yêu cầu đòi lại sau.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông L1về việc buộc gia đình ông L2 phải trả cho gia đình ông 17,3m2 đất lấn chiếm là có căn cứ nên cần chấp nhận. Như vậy kháng cáo của ông L1là có căn cứ để chấp nhận; Cần sửa bản án sơ thẩm mới đảm bảo được quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Do sửa bản án sơ thẩm nên cần xác định lại nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng như sau:

Về quyền chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ;

- Ngày 29/6/2018 Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đã định giá diện tích đất có tranh chấp, đo vẽ hiện trạng sử dụng đất bằng máy chuyên dụng và chồng áp bản đồ hết 11.100.000 đồng (Số tiền này do ông L1đã nộp đủ); Do yêu cầu của ông L1được chấp nhận nên ông L1không phải chịu chi phí nêu trên. Cần buộc ông L2 phải nộp số tiền 11.100.000 đồng để hoàn trả cho ông Lân.

- Ngày 12/11/2018 Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản đối với yêu cầu phản tố của ông L2 hết 4.000.000đ. Do ông Lượng rút yêu cầu phản tố nên ông L2 phải chịu toàn bộ chi phí nêu trên.

- Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông L1không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho ông L1số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 – BLTTDS; Sửa bản án sơ thẩm.

- Áp dụng các Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013.
- Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 9 Điều 26, 147, 157, 165, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về lệ phí, án phí Toà án, xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của ông Lê Văn Lân.

- Buộc gia đình ông Lê Văn L2phải trả cho gia đình ông Lê Văn L1diện tích =17,3m^2 đất lấn chiếm (có các cạnh: ABCDEFGH) tại thửa đất số 353, tờ bản đồ 12, thôn Giếng, xã TL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang và phải tháo dỡ các bức tường đã xây trên diện tích đất trên(có sơ đồ kèm theo).

[2]. Về tiền chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ sơ đồ hiện trạng sử dụng đất, chồng áp bản đồ.

- Buộc ông Lê Văn L2phải nộp số tiền 11.100.000đ tiền chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ hiện trạng sử dụng đất bằng máy chuyên dụng (do ông L1đã nộp) để trả lại cho ông Lê Văn Lân.

[3]. Về án phí:

- Ông Lê Văn L2phải chịu 300.000đ án phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2018/0006595 ngày 29/6/2018 tại chi cục thi hành án huyện LG (xác nhận ông L2 đã nộp đủ án phí DSST) và Ông Lê Văn L2còn phải nộp 300.000 đồng án phí DSPT.

- Hoàn trả cho ông Lê Văn L1 300.000đ tiền án phí DSST và số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí Phúc thẩm tại biên lai thu số AA/2016/0004312 ngày 01/2/2018 và biên lai số AA/2018/0007343 ngày 16/8/2019 tại chi cục thi hành án dân sự huyện LG.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lương Xuân Lộc Phạm Thị Minh Hiền Đặng Văn Quyết

Nơi nhận:
- TAND huyện LG;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Quyết